



BẢN SAO

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104546308 ngày 22 tháng 03 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 13 tháng 10 năm 2010.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của NXB Giáo dục Việt Nam là 20.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 40%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 043.5121931
- Fax: (84) 043.5121930

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm;
- Bán thiết bị trường học, thiết bị giảng dạy các cấp;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị trường học, thiết bị phục vụ giảng dạy các cấp;
- Xây dựng nhà các loại (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc cho nhà thờ, trường học, nhà hàng.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 63 người. Trong đó nhân viên quản lý là 15 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|--------------|--------------------------|
| • Ông Ngô Trần Ái | Chủ tịch | Trúng cử ngày 10/04/2010 |
| • Ông Đinh Khắc Cao | Phó Chủ tịch | Trúng cử ngày 10/04/2010 |
| • Bà Nguyễn Thị Mơ | Ủy viên | Trúng cử ngày 10/04/2010 |
| • Ông Ngô Chí Quốc | Ủy viên | Trúng cử ngày 10/04/2010 |
| • Bà Hoàng Thị Thanh Tâm | Ủy viên | Trúng cử ngày 10/04/2010 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Tiến Bộ | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 10/04/2010 |
| • Bà Trần Thu Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/04/2010 |
| • Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/04/2010 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Đinh Khắc Cao | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10/04/2010 |
| • Bà Nguyễn Thị Mơ | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10/04/2010 |
| • Bà Nguyễn Thị Xuân Mai | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/10/2010 |
| • Bà Hoàng Thị Thanh Tâm | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 10/04/2010 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

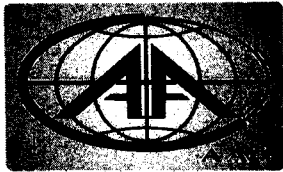
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Đinh Khắc Cao

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2012

ADP
D.T
L.E
A
/WH
||



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL
Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 101/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, được lập ngày 30/01/2012 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 22. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



SỐ CHỨNG THỰC 954 QUYỀN SỐ 01 SCT/MS.

Phan Xuân Văn
Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0192/KTV

PHÓ CHỦ TỊCH Chứng chỉ KTV số 0753/KTV

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

007
IGT
H
AT
L
H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.718.693.710	112.718.942.059
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.145.498.099	4.010.195.351
1. Tiền	111	5	6.145.498.099	4.010.195.351
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	889.900.000	49.396.600.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.083.400.000	49.732.400.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.193.500.000)	(335.800.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.047.431.149	16.506.878.518
1. Phải thu khách hàng	131		12.262.516.476	13.650.776.521
2. Trả trước cho người bán	132		703.157.496	2.740.886.830
3. Các khoản phải thu khác	135	7	81.757.177	115.215.167
IV. Hàng tồn kho	140	8	29.343.021.185	41.000.042.747
1. Hàng tồn kho	141		31.380.204.910	41.741.741.214
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.037.183.725)	(741.698.467)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.292.843.277	1.805.225.443
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.904.381.319	1.472.869.434
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		216.469.958	230.927.748
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	9.978.261
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	5.171.992.000	91.450.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.164.541.719	3.935.637.513
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.243.832.637	1.920.137.513
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.241.304.265	1.902.438.907
- Nguyên giá	222		2.785.158.781	2.397.294.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.543.854.516)	(494.855.547)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.528.372	17.698.606
- Nguyên giá	228		22.755.350	22.755.350
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.226.978)	(5.056.744)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.765.500.000	2.015.500.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	13	2.765.500.000	2.015.500.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		155.209.082	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	155.209.082	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		60.883.235.429	116.654.579.572

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.291.596.618	63.990.161.186
I. Nợ ngắn hạn	310		6.269.935.753	63.968.500.321
1. Phải trả người bán	312		2.010.109.856	55.230.114.863
2. Người mua trả tiền trước	313		2.951.420.081	3.161.482.833
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	347.976.631	93.920.881
4. Phải trả người lao động	315		127.425.000	-
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	226.520.094	4.807.780.310
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		606.484.091	675.201.434
II. Nợ dài hạn	330		21.660.865	21.660.865
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		21.660.865	21.660.865
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.591.638.811	52.664.418.386
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	54.591.638.811	52.664.418.386
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	534.170.971	434.798.347
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	534.170.971	434.798.347
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	3.523.296.869	1.794.821.692
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		60.883.235.429	116.654.579.572

Tổng Giám đốc



Đinh Khắc Cao

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu



Lê Mai Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	18	273.872.420.461	202.294.277.088
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	273.872.420.461	202.294.277.088
4. Giá vốn hàng bán	11	19	249.286.121.654	184.978.728.822
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>24.586.298.807</u>	<u>17.315.548.266</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.981.531.194	4.355.844.530
7. Chi phí tài chính	22	21	905.484.760	886.286.488
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		10.483.462.747	4.962.994.206
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.043.832.936	4.057.708.005
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>7.135.049.558</u>	<u>11.764.404.097</u>
11. Thu nhập khác	31		162.500	15.261.594
12. Chi phí khác	32		-	13.949.402
13. Lợi nhuận khác	40		<u>162.500</u>	<u>1.312.192</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	22	<u>7.135.212.058</u>	<u>11.765.716.289</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	1.289.763.569	2.946.222.316
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	22	<u>5.845.448.489</u>	<u>8.819.493.973</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.143	2.038

Tổng Giám đốc



Đinh Khắc Cao

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu



Lê Mai Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

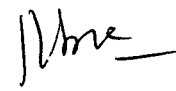
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	275.355.640.662	194.758.131.643
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(299.315.525.303)	(184.461.558.745)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.453.171.384)	(3.484.378.607)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.039.857.752)	(2.852.301.435)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.097.276.706	2.684.148.465
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.992.602.630)	(2.151.154.392)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(38.348.239.701)	4.492.886.929
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(387.864.327)	(4.530.623.404)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	13.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(52.149.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	47.649.000.000	4.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(750.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.699.560.297	1.683.931.826
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	48.210.695.970	(50.482.691.578)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	50.000.000.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.727.153.521)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.727.153.521)	50.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.135.302.748	4.010.195.351
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.010.195.351	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.145.498.099	4.010.195.351

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu





Đinh Khắc Cao

Hoàng Thị Thanh Tâm

Lê Mai Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104546308 ngày 22 tháng 03 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 13 tháng 10 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm;
- Bán thiết bị trường học, thiết bị giảng dạy các cấp;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị trường học, thiết bị phục vụ giảng dạy các cấp;
- Xây dựng nhà các loại (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc cho nhà thờ, trường học, nhà hàng.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh đối với toàn bộ các tài sản cố định.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5
Tài sản khác	1,5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh đối với tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm quản lý cửa hàng	1,5

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế lũy kế đến 31/12/2011 tạm phân phối theo Nghị quyết số 04/HĐQT/2011 ngày 22/11/2011 của Hội đồng quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Sách giáo khoa và sách bổ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các mặt hàng khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
 - ✓ Ngoài ra, theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 08 năm 2011 về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân, Công ty được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	448.596.217	245.841.741
Tiền gửi ngân hàng	5.696.901.882	3.764.353.610
Cộng	<u>6.145.498.099</u>	<u>4.010.195.351</u>

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số lượng Cổ phiếu	31/12/2011 Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	31/12/2010 Giá trị VND
Cho vay ngắn hạn dưới 3 tháng		-		47.649.000.000
+ Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam		-		32.149.000.000
+ Công ty CP Sách TBTH Thanh Hóa		-		2.000.000.000
+ Nguyễn Thị Xuân Mai		-		13.500.000.000
Cổ phiếu	160.600	2.083.400.000	160.600	2.083.400.000
+ Cty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)	140.000	1.861.800.000	140.000	1.861.800.000
+ Cty CP ĐT và PT Giáo dục Hà Nội (EID)	20.600	221.600.000	20.600	221.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		1.193.500.000		335.800.000
+ Cty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)		1.105.800.000		335.800.000
+ Cty CP ĐT và PT Giáo dục Hà Nội (EID)		87.700.000		-
Cộng		<u>889.900.000</u>		<u>49.396.600.000</u>

(*) Là khoản trích lập dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội căn cứ vào số lượng cổ phiếu Công ty hiện đang nắm giữ và chênh lệch giữa giá bình quân ngày 31/12/2011 tại HNX với giá ghi sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lãi dự thu	31.989.247	62.136.986
Phải thu BHXH của CBCNV	-	3.935.483
Phải thu thuế TNCN của CBCNV	-	49.142.698
Phải thu cổ tức	30.900.000	-
Phải thu khác	18.867.930	-
Cộng	81.757.177	115.215.167

8. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.241.367.398	3.899.330.817
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	177.830.055	523.496.430
Thành phẩm	8.774.381.937	9.590.687.120
Hàng hóa	14.186.625.520	27.728.226.847
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hàng hóa)	(2.037.183.725)	(741.698.467)
Cộng	29.343.021.185	41.000.042.747

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	712.339.124	538.850.465
Chi phí tổ chức bán thảo	1.192.042.195	934.018.969
Cộng	1.904.381.319	1.472.869.434

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	163.092.000	91.450.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	5.008.900.000	-
Cộng	5.171.992.000	91.450.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.027.116.314	132.723.595	237.454.545	2.397.294.454
Mua sắm trong năm	198.553.418	189.310.909	-	387.864.327
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	2.225.669.732	322.034.504	237.454.545	2.785.158.781
Khấu hao				
Số đầu năm	394.161.509	47.926.362	52.767.676	494.855.547
Khấu hao trong năm	725.343.800	165.352.140	158.303.029	1.048.998.969
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.119.505.309	213.278.502	211.070.705	1.543.854.516
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.632.954.805	84.797.233	184.686.869	1.902.438.907
Số cuối năm	1.106.164.423	108.756.002	26.383.840	1.241.304.265

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 99.528.142 đồng

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay : 0 đồng

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	22.755.350	22.755.350
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	22.755.350	22.755.350
Khấu hao		
Số đầu năm	5.056.744	5.056.744
Khấu hao trong năm	15.170.234	15.170.234
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	20.226.978	20.226.978
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	17.698.606	17.698.606
Số cuối năm	2.528.372	2.528.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Góp vốn vào Cty CP DV và XB Giáo dục HN (75.000 cp)	750.000.000	-
Dự án xây dựng kho Đông Anh (*)	1.915.500.000	1.915.500.000
Dự án xây trung tâm phát hành sách giáo khoa (**)	100.000.000	100.000.000
Cộng	2.765.500.000	2.015.500.000

(*) Góp vốn với Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và một số công ty khác thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010. Tổng số vốn dự kiến góp là 7.662.000.000 đồng trong đó Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc chiếm 25%.

(**) Góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm xuất bản phát hành sách giáo khoa theo Hợp đồng góp vốn số 1F/2010/HĐGV ngày 08/07/2010. Tổng số vốn dự kiến góp là 220.000.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xuất bản Giáo dục Hà Nội chưa niêm yết tại các Sở giao dịch. Công ty không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xuất bản Giáo dục Hà Nội. Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty này lãi, vốn chủ sở hữu bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xuất bản Giáo dục Hà Nội được ghi nhận theo giá gốc.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí thuê kho của năm 2012	155.209.082	-
Cộng	155.209.082	-

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	343.826.698	93.920.881
Thuế thu nhập cá nhân	4.149.933	-
Cộng	347.976.631	93.920.881

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	134.241.242	52.390.000
Cổ tức phải trả		4.727.153.521
Phải trả khác	92.278.852	28.236.789
Cộng	226.520.094	4.807.780.310

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 22/03/2010					
Tăng trong năm	50.000.000.000	434.798.347	434.798.347	8.819.493.973	59.689.090.667
Giảm trong năm	-	-	-	7.024.672.281	7.024.672.281
Số dư tại 31/12/2010	50.000.000.000	434.798.347	434.798.347	1.794.821.692	52.664.418.386
Số dư tại 01/01/2011	50.000.000.000	434.798.347	434.798.347	1.794.821.692	52.664.418.386
Tăng trong năm	-	99.372.624	99.372.624	5.845.448.489	6.044.193.737
Giảm trong năm	-	-	-	4.116.973.312	4.116.973.312
Số dư tại 31/12/2011	50.000.000.000	534.170.971	534.170.971	3.523.296.869	54.591.638.811

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	-	3.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	2.500.000.000	2.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.500.000.000	24.500.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2011	31/12/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1.794.821.692	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.845.448.489	8.819.493.973
Chia lợi nhuận cho Cty TNHH Văn hóa phẩm Quảng Lợi	129.092.519	123.527.025
Phân phối lợi nhuận	3.987.880.793	6.901.145.256
- Trích quỹ đầu tư phát triển	99.372.624	434.798.347
- Trích quỹ dự phòng tài chính	99.372.624	434.798.347
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	204.590.697	434.798.347
- Trích quỹ khen thưởng CBCNV	292.272.424	434.798.347
- Trích quỹ phúc lợi	292.272.424	434.798.347
- Chia cổ tức cho các cổ đông	3.000.000.000	4.727.153.521
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>3.523.296.869</u>	<u>1.794.821.692</u>

Thực hiện Nghị quyết số 04/HĐQT/2011 ngày 22/11/2011 của Hội đồng quản trị, Công ty đã tạm phân phối toàn bộ lợi nhuận sau thuế còn lại của năm trước và lợi nhuận phát sinh năm nay. Cụ thể như sau:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 1,7% của Lợi nhuận sau thuế năm 2011
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính: 1,7% của Lợi nhuận sau thuế năm 2011
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% của Lợi nhuận sau thuế năm 2011
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành: 3,5% của Lợi nhuận sau thuế năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18. Doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu	273.872.420.461	202.294.277.088
+ Doanh thu bán sách giáo khoa	245.646.465.585	197.606.126.186
+ Doanh thu bán sách tham khảo	24.311.382.546	3.273.765.456
+ Doanh thu bán thiết bị giáo dục	2.309.328.213	1.414.385.446
+ Doanh thu khác	1.605.244.117	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	273.872.420.461	202.294.277.088

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn bán sách giáo khoa	226.397.646.194	181.423.108.708
Giá vốn bán sách tham khảo	19.522.696.944	2.447.232.377
Giá vốn bán thiết bị giáo dục	1.881.824.450	1.108.387.737
Giá vốn khác	1.483.954.066	-
Cộng	249.286.121.654	184.978.728.822

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.559.052.558	4.355.844.530
Cổ tức, lợi nhuận được chia	141.260.000	-
Lãi bán hàng trả chậm	751.094.545	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	530.124.091	-
Cộng	2.981.531.194	4.355.844.530

21. Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chiết khấu thanh toán nhanh	-	525.486.488
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	857.700.000	335.800.000
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	25.000.000
Chi phí tài chính khác	47.784.760	-
Cộng	905.484.760	886.286.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.135.212.058	11.765.716.289
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	234.865.481	19.172.975
Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	505.218.000	142.700.000
Điều chỉnh giảm	270.352.519	123.527.025
- Cổ tức nhận được	141.260.000	-
- Chia LNTT cho Cty TNHH Văn hóa phẩm Quảng Lợi	129.092.519	123.527.025
Tổng thu nhập chịu thuế	7.370.077.539	11.784.889.264
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	1.842.519.385	2.946.222.316
Thuế TNDN được giảm 30% theo NQ 08/2011/QH13	552.755.816	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.289.763.569	2.946.222.316
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.845.448.489	8.819.493.973

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.845.448.489	8.819.493.973
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(129.092.519)	(123.527.025)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (Chia lợi nhuận trước thuế cho công ty TNHH Văn hóa phẩm Quảng Lợi)	129.092.519	123.527.025
LN phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	5.716.355.970	8.695.966.948
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	4.266.878
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.143	2.038

24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.161.854.717	5.120.927.052
Chi phí nhân công	7.629.497.441	3.158.832.406
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.064.169.203	503.523.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.304.893.175	6.294.486.517
Chi phí khác bằng tiền	10.833.629.039	5.358.346.404
Cộng	29.994.043.575	20.436.115.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Các bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Thanh Hóa	Chung công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Mua hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Mua sách giáo khoa	209.756.425.810
Công ty CP Sách và TBGD miền Nam	Mua sách giáo khoa	988.144.397
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chi phí tổ chức bản thảo	5.348.130.425
Bán hàng		
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	Bán sách giáo khoa	12.963.791.039
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	Bán sách giáo khoa	5.239.707.446
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	Bán sách giáo khoa	4.963.108.005

c. Số dư với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Phải trả VND	Phải thu VND
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	333.659.316
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	1.758.450.485	-
Công ty CP Sách và TBGD miền Nam	-	1.080.536.955
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	-	308.684.713
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	-	370.392.061
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	-	1.518.015.662
Công ty CP Sách và TBTH Thanh Hóa	-	178.559.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 28/3/2011 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 bằng tiền mặt với tỷ lệ 14% vốn điều lệ tính trên thời gian góp vốn thực tế.

Ngày 09/08/2011, Công ty đã có thông báo 241-TB-STBMB về việc chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức đợt 1/2011 với tỷ lệ 6% vốn điều lệ (tương ứng 3 tỷ đồng).

Sau ngày kết thúc niên độ kế toán này, Công ty đã có thông báo 01-TB-STBMB ngày 03/01/2012, về việc trả cổ tức đợt 2/2011 với tỷ lệ 7% vốn điều lệ (tương ứng 3,5 tỷ đồng). Theo đó, ngày chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức là ngày 05/01/2012

27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

28. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc



Đinh Khắc Cao

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu



Lê Mai Anh

CHÍNH
★
9